



DI CƯ CỦA NGƯỜI DAO XUỐNG BIÊN GIỚI TÂY NAM TRUNG QUỐC VÀ MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á TRONG THỜI KỲ MINH, THANH

NGỌC THỜI GIAI*

Dân tộc Dao là một trong những dân tộc di cư liên tục với thời gian dài trên phạm vi rộng trong lịch sử Trung Quốc. Trong thời kỳ Minh, Thanh, do sự áp bức về chính trị và bóc lột về kinh tế của giai cấp thống trị phong kiến Trung Quốc, cùng với phương thức sản xuất du canh đốt rẫy gieo hạt và những ảnh hưởng về thiên tai, người Dao buộc phải di cư trên qui mô lớn xuống các vùng đất biên giới tây nam là Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu, Việt Nam và các nước Đông Nam Á khác; do đó, hình thành nên đặc điểm phân bố “phân tán lớn, tụ cư nhỏ” và rất nhiều chi hệ như ngày nay, gây nên sự phát triển không đồng đều trong nội bộ xã hội người Dao, đã làm cho trung tâm dân số và văn hoá của người Dao có sự chuyển dịch. Liên quan đến vấn đề di cư của người Dao, trước đây đều tiến hành khảo chứng trong tài liệu thư tịch, nhưng do rất nhiều nguyên nhân, tài liệu thư tịch có nhiều điểm không cụ thể, thậm chí còn có những từ ngữ trúc trắc nhầm lẫn. Bài báo này thử tiến hành đi sâu nghiên cứu tổng hợp từ tư liệu thư tịch và các tài liệu truyền miệng, gia phả, tín ca, tổ đồ.

1. Nguyên nhân và cách thức di cư

Thời nhà Tống, người Dao chủ yếu phân bố trong khu vực Động Đình Hồ, tỉnh Hồ Nam Trung Quốc, nhưng đã có một bộ phận di cư dần đến khu vực Tương Nam (phía nam Hồ Nam), Việt Bắc (phía bắc Lương Quảng), Quý Bắc (phía bắc tỉnh Quảng Tây). Thời kỳ Minh, Thanh, người Dao lại di cư trên qui mô lớn xuống một loạt các khu vực biên giới Tây Nam là Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu, Việt Nam; nguyên nhân của việc này, chủ yếu được khái quát trong mấy điểm dưới đây:

Trước hết, sự áp bức về chính trị và bóc lột về kinh tế của giai cấp thống trị phong kiến Trung Quốc là nguyên nhân căn bản của việc người Dao di cư trên qui mô lớn xuống biên giới tây nam Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á. Theo ghi chép của “Minh Thái Tổ thực lục” quyển 233, tháng Giêng Giáp Thân năm Hồng Vũ thứ 27 (1394 sau Công nguyên): “Các huyện đồng bằng Quán Dương, Toàn Châu nơi người Dao tụ cư đông đúc sinh loạn; Mệnh Hồ Quảng, Quảng Tây đều phát binh thảo phạt, giết hơn 1.400 người”. Động Khê ở

* GS. TS. Ngọc Thời Giai là Phó Giám đốc Trung tâm Dao học, Đại học Dân tộc Quảng Tây, Trung Quốc. Bài viết của tác giả gửi Tạp chí Dân tộc học với nguyên bằng tiếng Trung.

huyện Đông An, Quảng Đông vốn là nơi cư ngụ của người Dao thời nhà Nguyên, thì “thời kỳ đầu Hồng Vũ nhà Minh, đã tận diệt người Dao vì loạn” (Thanh Hoàng Tâm Cúc Đăng, “Đông An chí huyện”, quyển 4). Người Dao ở Khê Động, Quế Dương Hồ Nam “vì bị nhà Minh tiêu diệt nên đã chạy hết vào các động núi” (Minh Thái Tổ thực lục, quyển 247, Hồng Vũ năm thứ 29 (1369). Huyện Phong Xuyên, Quảng Đông có 52 động núi người Dao; thời vua Chính Đức, Gia Tĩnh nhà Minh, “người Dao sinh loạn, sau khi bị diệt chỉ còn vài trăm người” (Thanh Ôn Cung, “Phong Xuyên huyện chí”, quyển 1). Đến thời nhà Thanh, những người Dao còn sót lại đã chuyển đến 52 động núi, tiếp tục cư ngụ. Một dải từ Đại Đẳng Hiệp ở Quảng Tây đến La Bàn ở Quảng Đông đã từng là trung tâm sinh sống và phân bố của người Dao nhà Thanh, có rất nhiều người Dao cư ngụ tại nơi này; tuy nhiên, sau khi cuộc khởi nghĩa của người Dao ở Đại Đẳng Hiệp tỉnh Quảng Tây nhiều lần bị quan quân nhà Minh dẹp tan, những người Dao còn lại buộc phải chạy vào động sâu. Đường Vi Hoàng triều Thanh trong quyển 12 *Giang Hoa huyện chí* có viết: “người Dao ở Ma Giang Động và Bối Giang Động đa phần lấy họ Bàn, nguyên nhân là vì tránh đánh nhau ở Quảng Tây, thỉnh thoảng làm kẻ cướp”. Cổ Thư Tịch có viết rằng: “Người Dao khổ nhất Tây Giang thời Minh, sống lẻ tẻ giữa các động núi. Từ năm Vạn Lịch thứ năm (tức năm 1577) bình định La Bàn, người Dao quanh đó dần bị tiêu diệt”. Sau khi triều đình phong kiến trung ương trấn áp khởi nghĩa của nông dân Dao, để duy trì sự thống trị của mình, thậm chí đã chiếm đoạt đồng ruộng

mà người Dao đã khai phá và đòi đòi canh tác, làm cho họ không còn đất đứng chân, chỉ còn cách xa rời quê hương. Huyện Dương Xuân tỉnh Quảng Tây đầu những năm triều Minh vẫn còn một số ruộng lớn ruộng đồng của người Dao. Quan quân nhà Minh trong khi dẹp bỏ khởi nghĩa Đại Đẳng Hiệp cũng đã từng giao ruộng đồng người Dao cho những quan binh của mình “đóng quân”. Mấy năm Hoàng Trị nhà Minh, theo Phó sử Quảng Tây là Hồ Phú: “Người Dao ở Song Thủy xuất hiện vô thường, Hồ Phú đi qua nơi này, thấy ruộng hoang hơn ba nghìn mẫu, có nơi người Choang đang nuôi súc vật” [Minh Anh Tông thực lục, quyển 47, Chính Thống năm thứ 30 (1438)]. Cùng với việc nền thống trị phong kiến được tăng cường, sự bóc lột của triều đình phong kiến trung ương đối với người Dao lại càng trở nên nặng nề hơn. Thời kỳ đầu hai triều Minh, Thanh, sự bóc lột của triều đình phong kiến trung ương tương đối nhẹ, thuế má không đến nỗi quá nặng nề. Tuy nhiên, đến giữa triều Minh và cuối triều Thanh, do chính triều hủ bại nên triều đình phong kiến trung ương đã tăng cường bóc lột người Dao, gia tăng thuế má. Ngoài thuế ruộng ra, triều đình còn trưng thu thuế đặc sản vùng núi người Dao. Cây gỗ sơn, sa nhân, bì trường, hoàng đằng, trúc... là đặc sản của một dải La Bàn Quảng Đông được người Dao trao đổi với người Hán lấy các vật dụng sinh hoạt và sản xuất hàng ngày, từ trước không hề đánh thuế. Những năm Chính Đức triều Minh, giai cấp thống trị phong kiến đã cho thực thi qui định “một thạch gỗ sơn, năm đồng tiền thuế” để vơ vét của cải xã hội thời loạn; lại còn lập nên trạm thu thuế ở cửa

sông huyện Song Thủy nhằm đánh thuế một cách triệt để. Quan quân đóng ở khu vực người Dao sinh sống thì tha hồ vớt tài vật. Tác giả bài báo này cùng với một giáo sư khác khi tiến hành nghiên cứu ở Thái Lan đã phát hiện ra những lời dân ca của người Dao như sau: “người Dao trên thế gian ưu sầu, chỗ ở người Dao không cần rào, gió thổi mưa rơi ướt cả giường, vợ chồng cùng nhau khóc như mưa, ba người đến nơi thu thuế, người Dao tháo chạy khắp tứ phương”. Sự áp bức về chính trị và bóc lột về kinh tế hết sức tàn khốc của giai cấp thống trị phong kiến đã buộc hầu hết nông dân Dao phải xa quê hương, chạy đến những nơi thâm sơn cùng cốc.

Thứ hai, xã hội người Dao lưu giữ lâu đời phương thức sản xuất đốt rẫy gieo hạt cũng là nguyên nhân quan trọng của việc người Dao luôn trong hoàn cảnh phải di cư. Thời kỳ Minh, Thanh, ngoài một bộ phận nhỏ phân bố vùng đồng bằng, đại bộ phận người Dao còn lại phân bố ở vùng núi vẫn lưu giữ phương thức sản xuất sinh hoạt đốt rẫy gieo hạt. “*Quảng Đông thông chí sơ cáo*” quyển 35 của Đái Cảnh triều Minh có viết: “người Dao đốt rẫy gieo hạt ở các vùng của mình, hết núi này lại đến núi khác”. “*Vĩnh Minh huyện chí*” quyển 3 của Từ Điền triều Thanh lại viết: “...mấy năm thì ở núi này, mấy năm nữa lại ở đỉnh khác, cư ngụ vô định”. Huyện Hưng Ninh vừa có người Dao đồng bằng, vừa có người Dao trên núi; “*Hưng Ninh huyện chí*” quyển 3 của Hoàng Bảng Nguyên nhà Thanh có viết: “người Dao trên núi di cư vô thường”. Trong quá trình di cư của mình, người Dao muốn thông báo cho người thân trong nhà và bạn bè biết

đường đi và tình hình sinh sống nơi ở mới thì họ thường viết “tín ca” (một dạng thư của người Dao) nhờ người gửi về nơi ở cũ. Trong quần thể người Dao Bàn và người Dao Sơn Tử đến nay vẫn còn lưu giữ kiểu “tín thư” này. Trong một bức “Giao Chỉ tín thư” lưu giữ trong hơn một trăm nghìn gia đình người Dao Sơn Tử Quảng Tây do một người Dao Sơn Tử sống tại Việt Nam gửi về có nói, sở dĩ họ sống tại Việt Nam là bởi “thiên triều không có núi để chặt”, có nghĩa là vì không có vùng núi nào phù hợp để đốt rẫy gieo hạt nên di cư xuống Việt Nam, ở nơi đó “cây rừng xanh ngát đỉnh núi, tứ bề sông suối đầy cá tôm... Đất này trông kê tốt, mỗi năm thu hoạch năm sáu kho... Núi này ở được nghìn nhà... Nay viết về cho mọi người biết đến ngay Giao Chỉ (tức Việt Nam)”. “*Tha Lang Sảnh chí*” của Đạo Quang viết: “Tha Lang Sảnh tỉnh Vân Nam (nay là Mạc Giang), người Dao từ Quảng Đông chuyển đến, cư ngụ bất định, ở nơi núi sâu, khai khẩn canh tác”. Người Dao Quảng Tây triều Thanh “tụ cư trong núi, đốt rẫy gieo hạt, núi này hết lại chuyển đến núi khác, chặt cây canh tác, đất bạc màu mới đi” (Cổ kim đồ thư tập thành, quyển 1415).

Thứ ba, đi đày và trung tập điều động. Xuất phát từ yêu cầu thống trị về chính trị, kinh tế, quân sự, giai cấp thống trị phong kiến đã nhiều lần buộc những người Dao bị chinh phục phải xa rời nơi ở của mình, định cư tại một nơi sinh sống khác của một dân tộc khác. Sự di cư mang màu sắc chính trị này thường được áp dụng các thủ đoạn cưỡng chế. Như năm Hồng Vũ thứ 16 triều Minh (tức năm 1383), “giặc Dao làm loạn ở huyện Thanh Viễn tỉnh Quảng Tây, đô phủ

lãnh binh thảo phạt, áp giải 1.370 tên về kinh, lại được lệnh cho đóng binh ở Tứ Châu” [Minh Thái Tổ thực lục, quyển 156, Hồng Vũ năm thứ 16 (1383)]. Năm Vạn Lịch thứ 4 triều Minh (năm 1576), quân Minh tiến vào La Bàn, đưa người Dao đầu hàng và bị bắt xuống những vùng duyên hải. Thời kỳ Minh, Thanh, để phòng vệ, trấn áp sự phản kháng của người Dao và các dân tộc thiểu số ở miền Nam khác, giai cấp thống trị phong kiến đã trưng dụng người Dao làm binh sĩ, trấn thủ các nơi, bộ phận binh sĩ người Dao này đại đa số không phản lại và ở lại luôn các nơi. Như năm Cảnh Thái thứ 2 nhà Minh (năm 1451), huyện Tân Ninh tỉnh Hồ Nam “giao ruộng cho người Dao ở lại đời đời”. “*Thành Bộ huyện chí*” quyển 5 của Đái Liên Bích triều Thanh viết: “Hoàng Trị năm thứ 17 (năm 1504), người Dao qui hoá làm đinh, trong Thành Bộ có đến 610 người; nếu có lệnh của địa phương thì phòng vệ thành trì, bảo vệ đường trọng yếu...”. “*Hoá Châu huyện chí*” quyển 6 của Bành Thái Tôn nhà Thanh viết: “người Dao ở Quảng Đông và người Choang làm loạn, xâm phạm thành ấp, sau thần phục, tùy theo các nơi xếp đặt... không có việc thì canh phòng, có việc thì tùy theo địa phương sai khiến”. Theo giáo sư Phạm Hồng Quý, Đại học Dân tộc Quảng Tây, ông đã tìm thấy cuốn “*Đặng thị gia huấn*” (những huấn dụ của dòng họ Đặng) ở huyện Lê Bồ tỉnh Quảng Tây có viết: “Mấy năm Vĩnh Lạc tiền triều, khi giặc An Nam đại phản, binh trên tinh điều xuống không kịp, liền lên núi tìm người Dao. Người Dao quả cảm tận trung, nêu tinh, phủ, châu, huyện đều đi qua các núi, người Dao tất sẽ đông. Cho đến tận Vĩnh Lạc năm thứ 4

(năm 1406), các hiền các doanh đều gọi đến người Dao, thực lực dũng cảm, binh sĩ được trọng thưởng”. Chính sách “di dân chính trị” của giai cấp thống trị phong kiến làm cho người Dao rời xa khỏi quê hương của mình.

Thứ tư, chiến tranh sinh loạn, thiên tai cũng là nguyên nhân dẫn đến việc người Dao di cư. Sau hai triều Minh, Thanh, xã hội phong kiến Trung Quốc càng trở nên mục nát hủ bại; mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn dân tộc ngày càng gay gắt, xã hội biến động không yên. Chịu những ảnh hưởng này, một bộ phận người Dao di cư xuống biên giới tây nam và vào Việt Nam. Hồng Thủy Đồng, một người Bàn Dao vốn dĩ sống ở thôn Đông huyện tự trị dân tộc Dao Thềm Thành tỉnh Quảng Tây, đã chuyển đến Giao Chỉ (nay là Việt Nam), gửi tín ca về cho người nhà đến ngay Giao Chỉ an cư. Bức tín ca này nói: “...nhìn thấy đại triều phản quan hoành hành, mười phần khó ở khó yên. Lên đường không tiền, cứ hướng đến Giao Chỉ...”. Bài “*Giao Chỉ khúc*” này được phát hiện có hai dị bản ở núi Đại Dao tỉnh Quảng Tây, một là tại nhà Nguyên Lâm, thôn Cao Lan, xã Quế Đồng, không có ngày tháng, mà chữ viết lại thiếu nhiều; hai là ở nhà Triệu Đức Tiên, thôn Điền Đầu, xã Quế Đồng, được ghi ngày 24 tháng Chạp năm Đồng Trị thứ 9 (năm 1870), Triệu Vinh Phủ thủ bút. Từ đó, có thể thấy, chi Bàn Dao do Thềm Thành di cư xuống Việt Nam có lẽ đến Giao Chỉ là trước năm Đồng Trị thứ 9 chín năm, thời điểm Thềm Thành rời đi lại càng sớm. “Nhìn thấy đại triều phản quan hoành hành”, “mười phần khó ở khó yên”... từ những ca từ này trong bài “tín ca”, có thể thấy “đại triều” là chỉ vương triều nhà Thanh Trung Quốc.

Những năm có “phản quan hoành hành” lại đúng là lúc Cách mạng Thái Bình Thiên Quốc nổ ra, các cuộc đấu tranh phản Thanh ở các nơi tỉnh Quảng Tây rất mãnh liệt. Người Dao không thể chịu đựng xã hội động loạn này, nên chuyển đến nơi khác. Trong lịch sử, văn hoá, kinh tế của các khu vực tộc Dao phát triển tương đối lạc hậu, sự sùng bái tự nhiên khá sâu sắc. Hễ gặp phải thiên tai, dịch bệnh hoành hành, họ thường cho rằng mình phải nhận sự trừng phạt của thần linh, không thể ở lại nơi cũ được nữa, cần phải di cư, tìm nơi khác sinh sống. “*Quảng Đông thông chí*” quyển 330 của Nguyễn Nguyên nhà Thanh viết: “Hò Châu phủ, người Dao có 3 họ chính: Bàn, Lam, Lô, dựa vào núi mà sống, con cháu ba họ kết hôn với nhau, nếu có bệnh dịch thì cùng nhau đốt nhà tranh rồi chung sống”. Bản lớn người Dao ở trong huyện Ma Lật Phá, tỉnh Vân Nam, nghe nói tổ tiên họ sống tại một dải Cửu Giang tỉnh Giang Tây, vào cuối Minh đầu Thanh, mấy năm liền khốn khổ vì thiên tai, không thể sinh tồn, liền chuyển tới khu vực lưu vực Hồng Hà mà định cư. Chu Huyền Quý chuyển xuống Việt Nam và gửi về Tuấn Vân, Quảng Tây một bức “tín ca” nói, trời làm hạn hán 3 năm rồi, cỏ tranh trên núi đều chết khô cả, hơn nữa mừng 9 tháng 5 năm Tân Dĩ lại có động đất, mừng một tháng 5 năm sau từ Tuấn Vân chuyển đến tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam, tổng cộng có 60 hộ. 5 năm ở Tuyên Quang mùa màng tốt tươi, sau lại gặp phải dịch chuột, dịch sâu bọ, lại chuyển đến nơi khác của Việt Nam là Bảo Lạc, lại gặp phải nạn binh đao, cuộc sống khổ không nói xiết. Người Dao ở huyện Điền Lâm, Quảng Tây lại nói, mấy năm triều

Hồng Vũ nhà Minh, hạn hán 3 năm, người dân không có cơm ăn áo mặc, cây cỏ chết cháy, người Dao vượt biển vào Quảng Tây.

Về những phương thức người Dao di cư, sử sách không có những ghi chép cụ thể. Từ những nghiên cứu, tài liệu của nhân dân, việc di cư của người Dao về căn bản là một hoạt động có tổ chức. Một thôn xóm người Dao do một hoặc một số dòng họ lập thành. Mỗi một dòng họ đều có một người đứng đầu phụ trách những công việc chung, mỗi một thôn cũng có một hay một vài người phụ trách xử lý công việc của thôn. Người đứng đầu mỗi thôn do dân cử ra, gọi là “xã lão”, “thôn lão”..., phần nhiều là do những người có uy vọng, làm việc công bằng, có kinh nghiệm đứng ra đảm nhận. Theo điều tra của giáo sư Trương Hữu ở khu vực người Dao phía Bắc Thái Lan, theo như truyền thống từ xưa “xã lão” là người đứng đầu gia đình đầu tiên tới lập thôn. Một học giả Thái Lan sau khi khảo sát thôn làng người Dao đã nói, “thôn làng người Dao ở Thái Lan luôn luôn không phải do một dòng họ độc nhất tạo nên” (Điều tra lịch sử xã hội tộc Dao tỉnh Quảng Tây, quyển 1, 1984), thường thì “một số hộ cùng dòng họ dưới sự lãnh đạo của một người có tiếng nói bắt đầu lập thôn, sau đó các dòng họ khác tham gia vào, chịu sự ảnh hưởng của ông ta, thôn làng được hình thành chính như vậy” (Điều tra lịch sử xã hội tộc Dao tỉnh Quảng Tây”, quyển 5, 1986). Vị giáo sư này còn cho biết, người đầu tiên lãnh đạo mọi người lập nên thôn làng là một pháp sư. Từ đó, có thể thấy, sự di cư của người Dao đại đa số là do một người đứng đầu có tôn giáo, kinh nghiệm hoặc “thôn lão” lãnh đạo phân rõ số lượng, thời gian tiến hành di cư.

2. Con đường di cư và những qui luật phổ biến

Nhìn từ những “tổ đồ” (cũng gọi là “gia tiên đơn” giống cây gia phả trong tiếng Việt, là văn bản dân gian đặc biệt chỉ có người Bàn Dao mới có, dùng chữ Hán và chữ của người Dao tự sáng tạo viết, chủ yếu ghi lại tên tuổi, pháp hiệu, năm tháng sinh tử, nơi chôn cất của tổ tiên qua các đời, trong những ngày lễ cúng tổ tiên thì mang ra đọc, biểu thị lòng không quên tổ tông), “tín ca”, “tộc huấn” được lưu truyền trong dân gian người Dao đến những câu chuyện truyền miệng, con đường di cư của người Dao trong thời kỳ Minh, Thanh xuống biên giới tây nam và các nước Đông Nam Á chủ yếu có 3 loại:

Một là, di cư từ Hồ Nam, Phúc Kiến xuống Quảng Đông, Quảng Tây, Việt Nam. Tại thôn Phú Dương Trung, huyện Phú Xuyên, Quảng Tây còn viết, tổ tiên của họ ở Hồ Nam, thời Tống chuyển đến Nam Hải, Quảng Đông, thời Minh chuyển đến Ngũ Châu Bang, Quảng Tây, sau lại chuyển đến Phú Xuyên (Người Dao Thái Lan – quá khứ, hiện tại và tương lai, 2006). Trong “tộc huấn” của người Dao trên núi Thập Vạn tỉnh Quảng Tây có viết, tổ tiên họ vốn ở Thất Hiền Đòng, sau đến Phúc Kiến, khoảng 600 năm trước thì đến phủ Nam Hùng, Quảng Đông, lại tới núi La Bằng phủ Triệu Khánh, khoảng 400 năm trước thì đến huyện Bác Bạch, Quảng Tây, khoảng hơn 200 năm trước thì tiến vào núi Thập Vạn, một bộ phận thì tiến xuống Việt Nam (Điều tra lịch sử xã hội tộc Dao tỉnh Quảng Tây, quyển 6, 1987). Tại Thái Lan, tác giả bài báo này đã nhìn thấy “tổ đồ” của gia đình Phùng Tiến Chu, và biết được con đường di cư của gia

tộc này như sau: Bình Lạc phủ, Quảng Tây, Trung Quốc → Hồ Châu phủ, Quảng Tây → Tứ Thành phủ, Quảng Tây → Mạnh Thiên châu, Điện Biên Phủ, Việt Nam → Nam phủ, Thanh Lai phủ, Thái Lan. Người Dao ở huyện Điện Lâm, Quảng Tây cũng nói, thời Hồng Vũ triều Minh, tổ tiên họ do tránh loạn nên đã vượt biển đến huyện Lạc Xương, Quảng Đông, sau lại chuyển đến Giang Hoá, rồi Hồ Nam, cuối cùng định cư ở Điện Lâm. Đến nay, đã có hơn trăm năm lịch sử (Điều tra lịch sử xã hội tộc Dao tỉnh Quảng Tây, quyển 5, 1986).

Hai là, di cư từ Hồ Nam vào Quảng Tây hoặc Quảng Đông, lại đến Vân Nam, Lào, Việt Nam. Theo như truyền thuyết của tộc Dao họ Bàn ở huyện Kim Bình, Vân Nam, sau khi tổ tiên của họ từ Trường Sa, Hồ Nam đi qua Quảng Tây tiến vào Khai Hoá phủ thì chia thành ba chi mà di cư. Chi của họ đến nay đã được hơn mười đời (Điều tra lịch sử xã hội tộc Dao tỉnh Quảng Tây, quyển 5, 1986), trải qua giữa và cuối triều Thanh, thời Dân Quốc và Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Truyền thuyết họ Bàn, Hoàng, Lý, Đặng, Liêu, Đường ở Thềm Thành, Quảng Tây kể, sau khi tổ tiên họ từ Nam Kinh, huyện Thái Hoà, tỉnh Giang Tây chuyển đến cư ngụ tại Thiên Gia Động ở Hồ Nam, do bị quan quân ức hiếp, lại từ Hồ Nam tiến vào Quảng Tây, vào thời Võ Tông nhà Minh (từ năm 1506 đến năm 1521) thì chuyển đến Thềm Thành. Sau đó, một bộ phận người Dao ở Thềm Thành lại đi qua Bình Lạc, Tượng Châu, Thiên Giang, Điện Châu, Bách Sắc, Vân Nam để vào Việt Nam. Theo tác giả quan sát được “tổ đồ” của gia đình Đặng Kim Quý ở Nam phủ, Thái Lan, con đường di cư của gia tộc họ như sau: Liễu Châu phủ, Quảng Tây,

Trung Quốc → Bình Lạc phủ, Quảng Tây → Quế Lâm phủ, Quảng Tây → Liễu Châu phủ, Quảng Tây → Tứ Thành phủ, Quảng Tây → Khai Hoá phủ, Vân Nam → Qui Hoá phủ, Việt Nam → Lào → Thái Lan. “Tổ đồ” của gia đình Đặng Phát Tinh ở thôn Ba Cương, Nam phủ, Thái Lan thì như sau: Quảng Đông, Trung Quốc → huyện Thềm Thành, Bình Lạc phủ, Quảng Tây → huyện La Thành, Liễu Châu phủ, Quảng Tây → huyện Văn Sơn, Khai Hoá phủ, Vân Nam → huyện Kiến Thủy, Lâm An phủ, Vân Nam → đường Đông Kinh, Việt Nam → Thái Lan. Còn “tổ đồ” gia đình Đặng Phú Hoa thì ghi lại như sau: huyện La Thành, phủ Liễu Châu, Quảng Tây, Trung Quốc → Tứ Châu phủ, Quảng Tây → huyện Văn Sơn, Khai Hoá phủ, Vân Nam → An Tây phủ, đường Đông Kinh, Việt Nam → Mãnh Tân phủ, Việt Nam → Thái Lan.

Ba là, từ Tương Nam (phía nam Hồ Nam) tiến vào Quế (Quảng Tây). Từ con đường này, người Dao phân bố ở tây bắc Quế là người Dao Bồ Nỗ. Theo khảo chứng của Cát tiên sinh thời nhà Mông, tổ tiên người Dao Bồ Nỗ có vẻ như theo con đường đông nam của người Miêu, men theo khu vực Tuyết Phong Sơn phía tây nam Hồ Nam, rẽ vào hướng tây nam mà đi, đến Quý Châu, sau đó bị thổ ti xua đuổi mới hướng xuống phía nam mà di cư, tiến vào một dải Đại Thạch Sơn ở phía tây bắc Quảng Tây (Vi Lâm Lượng (chủ biên), 2003).

Sau khi trải qua các cuộc di cư trong hai triều Minh, Thanh, hầu hết người Dao đã đến các vùng biên giới tây bắc, một bộ phận người Dao di cư đến Việt Nam, Lào. Các qui luật nhất định của các cuộc di cư được biểu hiện như sau:

1. Từ nơi có mật độ phân bố dân số cao di cư đến nơi có mật độ phân bố dân số thấp. Những năm đầu triều Minh, người Dao chủ yếu phân bố tại Tương Nam, Việt Bắc, Quế đông nam..., mật độ phân bố dân số của các nơi này tương đối cao, áp lực của dân số đối với đất trồng lớn. Trải qua các cuộc di cư trong hai triều Minh, Thanh, đại bộ phận người Dao đã rời khỏi nơi sinh sống, tiến vào nơi có mật độ phân bố dân số thấp như Vân Nam, Quý Châu và Việt Nam v.v.

2. Từ vùng đồi chuyển đến vùng núi lạnh. Đầu triều Thanh, người Dao chủ yếu phân bố tại Hằng Châu, Vĩnh Châu, Bảo Khánh, Trường Sa của Hồ Nam, Quảng Châu, Huệ Châu, Thương Châu, Lôi Châu, La Định của Quảng Đông và Đại Đẳng Hiệp và phía bắc Quảng Tây. Sau hai triều Minh, Thanh, người Dao ở Hồ Nam chủ yếu phân bố tại các khu vực núi cao là Hằng Châu, Vĩnh Châu, Quế Dương; người Dao của Quảng Đông thì chủ yếu ở vùng núi cao Việt Bắc, của Quảng Tây, chủ yếu ở núi Đại Dao, Thập Vạn Đại Sơn và Quế Tây của khu vực núi cao Đại Thạch, số dân di cư đến Vân Nam, Quý Châu và Việt Nam cũng ngày càng tăng.

3. Từ trong nước di cư ra ngoài nước. Theo khảo chứng cứ của các nhà sử học Việt Nam, người Dao của Việt Nam bắt nguồn từ Trung Quốc. Do sự trấn áp tàn khốc của giai cấp thống trị phong kiến Trung Quốc, những cuộc chiến tranh liên miên, thảm họa tự nhiên mà tổ tiên người Dao đã không ngừng tiến xuống các vùng núi phía tây nam, trong đó có một bộ phận tiến xuống Việt Nam. Bộ phận người Dao này ban đầu được ước tính là vào khoảng giữa thế kỷ thứ 13 trở đi, khi đó là vào triều Minh của Trung Quốc, di cư

từ Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam... vào Việt Nam nhiều lần. Sau này mới từ Việt Nam di cư sang các nước khác trong khu vực Đông Nam Á. Cũng có một bộ phận người Dao di cư trực tiếp từ Trung Quốc vào Lào, rồi Thái Lan. Một vị người Dao ở Thái Lan di dân sang Mỹ nói, tổ tiên của họ trong thế kỷ 13 trở đi đã không ngừng di cư từ Trung Quốc sang các vùng cao của Đông Nam Á, nhiều người trong số đó khi đó không ý thức rằng họ đã vượt qua biên giới Trung Quốc, lần lượt tiến vào Lào và Việt Nam. Những tư liệu điều tra tại trường Đại học Dân tộc Quảng Tây cũng chứng minh điều này. Theo những nghiên cứu của Trương Hữu, Đặng Văn Thông của Đại học Dân tộc Quảng Tây: người Dao mang họ Bàn, Hoàng, Đặng... Trong số người Dao Sơn Tử ở Thập Vạn Đại Sơn, Quảng Tây, có không ít người chuyển đến Việt Nam. Thời gian này đa số là vào thời kỳ Minh, Thanh. Người Dao họ Đặng ở thôn Bình Na, Thập Vạn Đại Sơn, Quảng Tây có tổ tiên là từ Quảng Đông chuyển đến Việt Nam, lại từ Việt Nam quay lại Quảng Tây, cuối cùng chuyển đến Thượng Tư định cư, đến nay đã có hơn 200 năm (Điều tra lịch sử xã hội tộc Dao tỉnh Quảng Tây, quyển 6, 1987). Tháng 5 năm 2002, khi tác giả đi điều tra tại bang Alaska ở Mỹ, đã nhìn thấy “tổ đờ” của gia đình tiên sinh Triệu Kim Tiên Lâm, có ông tổ sinh năm 1562, sau táng ở Bình Lạc, Quảng Tây, các đời sau di cư đến Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, sau là đến Lào, Thái Lan, đến thập kỷ 80 thế kỷ 20 thì đến Mỹ định cư.

4. Các cuộc di cư xuống Đông Nam Á phần nhiều là bằng đường bộ. Trong lịch sử Trung Quốc, người dân di cư sang nước

ngoài có hai con đường: đường biển và đường bộ. Người Dao di cư sang nước ngoài thì chủ yếu bằng đường bộ. Thời kỳ Minh, Thanh, người Dao chủ yếu từ Quảng Tây, Vân Nam mà di cư. Khi đó, hai cảng Bắc Hải, Ngũ Châu đã mở phục vụ cho thông thương với bên ngoài, có thể giúp cho người dân Quảng Tây ra nước ngoài, nhưng những người đi bằng các cửa khẩu này đa số là người Hán. Người Dao đại đa số cư ngụ tại các vùng núi cao, quen với du canh nông nghiệp. Phía bắc Việt Nam, Lào thổ nhưỡng lại giống với Quảng Tây, Vân Nam, hơn nữa đường bộ nhiều, giao thông rất thuận tiện. Láy Quảng Tây làm ví dụ, vào triều Minh, từ Quảng Tây tiến xuống Việt Nam có ba con đường: một là từ Trấn Nam Quan, một ngày có thể đến được Văn Uyên Châu của Việt Nam; hai là từ Tư Minh (nay là Ninh Minh) đi qua đỉnh Ma Thiên, một ngày đến Tư Hiền Châu; ba là từ Long Châu, một ngày đến Bình Tây Ái. Thời nhà Thanh, ngoài ba con đường lớn kể trên, còn có hơn 30 con đường nhỏ khác thông đến Việt Nam ở Nam Ninh phủ, Thái Bình phủ và Trấn An phủ, giao thông hết sức thuận tiện. Chính như người Dao ở đất Mỹ kia đã nói, tổ tiên anh ta trong quá trình đốt rẫy gieo hạt, men theo đỉnh núi, “vô thức” mà đã vượt qua biên giới, trở thành dân tộc xuyên biên giới.

3. Ảnh hưởng văn hoá - xã hội của việc người Dao di cư trong thời kỳ Minh, Thanh

Thời kỳ Minh, Thanh, việc di cư trên qui mô lớn của người Dao đã tạo nên ảnh hưởng to lớn đối với sự phát triển của văn hoá, lịch sử, xã hội:

Thứ nhất, điều này đã làm cho sự phân bố dân số và trung tâm văn hoá của người có

sự thay đổi. Những năm đầu triều Minh, người Dao chủ yếu phân bố ở Trương, Quế, Việt (Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây), trong đó trung tâm tụ cư là Trương Nam, núi La Bàn Quảng Đông, Đại Đẳng Hiệp Quảng Tây. Sau triều đại Minh, Thanh, do sự di cư trên qui mô lớn, dân số người Dao ở núi La Bàn, Đại Đẳng Hiệp giảm đi phần lớn, chuyển xuống các vùng khác của Quảng Tây. Theo như tiên sinh Ngô Vĩnh Chương khảo chứng, các phủ, ty, châu, huyện của Quảng Tây đều có người Dao sinh sống (Ngô Vĩnh Chương). Quảng Tây trở thành nơi có người Dao sinh sống đông nhất của cả Trung Quốc, trung tâm văn hoá của người Dao chuyển từ biên giới Trương, Việt, Quế đến Quảng Tây.

Thứ hai, đã hình thành nên đặc điểm phân bố “phân tán lớn, tụ cư nhỏ”. Do sự di cư trên qui mô lớn, người Dao di chuyển từ Hồ Nam, Quảng Đông và Quế Bắc xuống Quế Tây, Vân Nam, Quý Châu và Việt Nam, Lào, sống xen kẽ với các dân tộc Choang, Hán, Thái, Miêu..., cứ vài hộ hoặc vài chục hộ tụ cư thành thôn, về căn bản đã lập ra tình hình phân bố người Dao như ngày nay, hình thành nên đặc điểm phân bố “phân tán lớn, tụ cư nhỏ”.

Thứ ba, việc di cư trên không thể hình thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá. Bởi sự di cư trên qui mô lớn thời Minh, Thanh nên đã tạo thành cục diện “phân tán lớn, tụ cư nhỏ”, thêm nữa là ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, các vùng đất có người Dao sinh sống căn bản là không có liên lạc gì, không thể tự mình lập nên các cơ quan chính quyền có đủ sức mạnh, do đó sau triều Minh, cũng không xuất hiện thêm những cuộc khởi nghĩa qui mô lớn giống như Đại

Đẳng Hiệp, núi La Bàn. Về kinh tế, nền kinh tế tự nhiên tự cấp tự túc vẫn chiếm địa vị quan trọng chủ yếu, các khu vực có người Dao sinh sống về cơ bản không có thị trường và công thương nghiệp của riêng mình, nên đã không thể hình thành nên trung tâm kinh tế của bản thân. Sự phát triển văn hoá các vùng này tuy có nhiều đặc sắc, song về tổng thể trong toàn cộng đồng người Dao, đã không xuất hiện một ngôn ngữ, văn tự thống nhất và không có sự phồn vinh về văn hoá.

Thứ tư, hình thành nên rất nhiều các chi hệ, sự phát triển văn hoá của các chi hệ đều có những đặc sắc của riêng mình. Do di cư lưu động, cư trú phân tán, cách núi ngăn sông, không qua lại hoặc ít qua lại với nhau nên ai cũng coi mình là chính, từ đó hình thành nên rất nhiều các chi hệ khác nhau. Theo thống kê không chính thức, sau triều đại Minh, Thanh, có 20 đến 30 tộc Dao tự xưng và 200 đến 300 nhóm Dao mà người khác tính được. Cho nên, sự hình thành rất nhiều các chi hệ như vậy có liên quan mật thiết với việc di cư nhiều lần trong lịch sử trong nội bộ người Dao. Điều này làm cho người Dao xa rời văn hoá nguồn cội; đồng thời trong quá trình di cư, do môi trường tự nhiên khác nhau, việc tiếp nhận ảnh hưởng của các dân tộc khác cũng khác nhau, nên ngôn ngữ, phong tục tập quán, tôn giáo tín ngưỡng, văn học dân gian, văn hoá nghệ thuật... của các tộc người Dao đều có những biểu hiện đặc điểm khác nhau.

Thứ năm, thúc đẩy sự giao lưu và hội nhập lẫn nhau giữa các dân tộc. Trong quá trình lịch sử lâu dài của việc di cư, người Dao không ngừng tiến hành giao lưu kinh tế văn hoá với các dân tộc khác, học tập lẫn nhau, bổ sung cho nhau, thúc đẩy sự hội nhập lẫn nhau giữa các dân tộc.

Thứ sáu, làm cho dân tộc Dao trở thành dân tộc xuyên biên giới. Giữa triều Minh kể về sau, người Dao đã bắt đầu tiến xuống Việt Nam, sau đó lại dần dần tiến vào các nước Đông Nam Á khác. Khí hậu các nước này so với khu vực tây nam Trung Quốc không khác nhau nhiều, tương đối nóng ẩm, phù hợp với sản xuất nông nghiệp; đồng thời lịch sử các nước này là lịch sử “người ít, đất nhiều”, dễ dàng cho việc tìm kiếm nơi an cư; do đó, trong quá trình di cư, người Dao luôn hướng xuống phía tây nam, cuối cùng đã di cư ra khỏi biên giới Trung Quốc, tiến xuống khu vực miền núi các nước Đông Nam Á, trở thành dân tộc xuyên biên giới.

4. Kết luận

Thời kỳ Minh, Thanh, do sự áp bức về chính trị và bóc lột về kinh tế của giai cấp thống trị phong kiến Trung Quốc, cùng với phương thức sản xuất du canh đốt rẫy gieo hạt và những nguyên nhân về thảm họa tự nhiên, người Dao đã di cư trên qui mô lớn xuống các vùng biên giới tây nam Trung Quốc là Quảng Tân, Vân Nam, Quý Châu và các khu vực khác như Việt Nam, đồng thời hình thành nên đặc điểm phân bố “phân tán lớn, tụ cư nhỏ” và nền văn hoá nhiều chi hệ, trung tâm phân bố dân số người Dao cũng chuyển xuống Quảng Tây ở phía nam. Quảng Tây trở thành khu vực có nhiều người Dao sinh sống nhất của Trung Quốc. Sự di cư lâu dài đã gia tăng sự hội nhập của người Dao với các dân tộc khác, và cuối cùng đã làm cho người Dao đi ra khỏi biên giới Trung Quốc, tiến xuống các nước Đông Nam Á, trở thành dân tộc xuyên biên giới trên thế giới.

Nguyễn Việt Hiếu dịch

Tài liệu tham khảo

1. Chính Thống năm thứ 30 (1438), *Minh Anh Tông thực lục*, quyển 47.
2. Ngô Vĩnh Chương, *Dao tộc sử*, Nxb Dân tộc Tứ Xuyên.
3. *Cổ kim đồ thư tập thành*, quyển 1415.
4. Thanh Ôn Cung, *Phong Xuyên huyện chí*, quyển 1.
5. *Điều tra lịch sử xã hội tộc Dao tỉnh Quảng Tây*, quyển 1, Nxb Dân tộc Quảng Tây, 1984.
6. *Điều tra lịch sử xã hội tộc Dao tỉnh Quảng Tây*, quyển 5, Nxb Dân tộc Quảng Tây, 1986.
7. *Điều tra lịch sử xã hội tộc Dao tỉnh Quảng Tây*, quyển 6, Nxb Dân tộc Quảng Tây, 1987.
8. Vi Lâm Lượng (chủ biên) (2003), *Bố Nỗ Dao lịch sử văn hoá nghiên cứu văn tập*, Nxb Dân Tộc Quê Châu.
9. *Người Dao Thái Lan - quá khứ, hiện tại và tương lai*, (sách Thái), Nxb Dân Tộc, Bắc Kinh, 2006.
10. Hồng Vũ năm thứ 16 (1383), *Minh Thái Tổ thực lục*, quyển 156.
11. Hồng Vũ năm thứ 29 (1369), *Minh Thái Tổ thực lục*, quyển 247.
12. Thanh Hoàng Tâm Cúc Đăng, *Đông An chí huyện*, quyển 4.